

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận, hủy bỏ công nhận và đăng tải danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc tại Bộ Y tế năm 2026**

**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

*Căn cứ Luật giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20/6/2012;*

*Căn cứ Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;*

*Căn cứ Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BYT ngày 13/01/2025 của Bộ Y tế quy định về giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Công văn của các đơn vị về việc cập nhật danh sách tổ chức, người giám định theo vụ việc;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận, hủy bỏ công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc tại Bộ Y tế năm 2026 (chi tiết tại Phụ lục số 1,2,3 kèm theo).

**Điều 2.** Các danh sách nêu trên được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế để công bố tại địa chỉ: <https://moh.gov.vn>

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1427/QĐ-BYT ngày 28/04/2025; Quyết định số 3414/QĐ-BYT ngày 03/11/2025 của Bộ Y tế về việc công nhận, hủy bỏ công nhận, công nhận bổ sung và đăng tải danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc tại Bộ Y tế năm 2025.

**Điều 4.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng Bộ; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Bộ Tư pháp (để p/h);
- Công TTĐT Bộ Y tế (để đăng tải);
- Lưu: VT, VPB7.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**

**Vũ Mạnh Hà**

**PHỤ LỤC SỐ 01: DANH SÁCH CÔNG NHẬN NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC**

(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-BYT ngày    tháng    năm 2026 của Bộ Y tế)

| STT | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Cơ quan công tác | Trình độ/Lĩnh vực chuyên môn                                                                                                                    | Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn | Kinh nghiệm trong hoạt động giám định tư pháp |
|-----|---------------------|-----------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------|
| I   | Văn phòng Bộ        |                       |                  |                                                                                                                                                 |                                        |                                               |
| 1   | Trần Hồng Trâm      | 03/5/1976             | Văn phòng Bộ     | Tiến sĩ/Công tác lĩnh vực kế hoạch tổng hợp                                                                                                     | >26 năm                                | 01 năm                                        |
| 2   | Nguyễn Duy Thái     | 15/07/1983            |                  | Tiến sĩ Y học; Kỹ sư Công nghệ thông tin/Công tác kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng              | >20 năm                                | 01 năm                                        |
| 3   | Đinh Hồng Sơn       | 28/10/1981            |                  | Kỹ sư Cơ điện tử; Cử nhân Luật; Cử nhân Chính trị học/Công tác kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng | >10 năm                                | 01 năm                                        |
| 4   | Đoàn Hữu Phong      | 18/02/1988            |                  | Thạc sĩ Luật; Kỹ sư điện tử viễn thông/ Công tác kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng               | >10 năm                                | Không có                                      |
| II  | Vụ Pháp chế         |                       |                  |                                                                                                                                                 |                                        |                                               |
| 5   | Trần Thị Xuân Hằng  | 10/02/1985            | Vụ Pháp chế      | Cử nhân/Công tác Pháp chế về khám bệnh, chữa bệnh                                                                                               | 16 năm                                 | Không có                                      |
| 6   | Hoàng Thị Thu Hương | 17/10/1976            |                  | Cử nhân/Công tác Pháp chế về dược, mỹ phẩm                                                                                                      | 12 năm                                 | Không có                                      |
| 7   | Nguyễn Gia Hậu      | 29/01/1980            |                  | Cử nhân/Công tác Pháp chế về thiết bị y tế                                                                                                      | 12 năm                                 | Không có                                      |
| 8   | Lương Mai Anh       | 22/11/1988            |                  | Cử nhân/Công tác Pháp chế về y, dược cổ truyền                                                                                                  | 12 năm                                 | Không có                                      |
| 9   | Hà Trường Giang     | 22/01/1987            |                  | Thạc sĩ/Công tác pháp chế về an toàn thực phẩm                                                                                                  | 12 năm                                 | Không có                                      |
| 10  | Ngô Hồng Vượng      | 25/3/1984             |                  | Dược sĩ/ Ths. Quản trị kinh doanh                                                                                                               | >10 năm                                | Không có                                      |

|     |                              |            |                              |                                                                                                                                                                               |         |          |
|-----|------------------------------|------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|
| III | Vụ Kế hoạch - Tài chính      |            |                              |                                                                                                                                                                               |         |          |
| 11  | Nguyễn Việt Dũng             | 09/12/1977 | Vụ Kế hoạch - Tài chính      | Thạc sĩ kinh tế/Kinh tế                                                                                                                                                       | 23 năm  | Không có |
| 12  | Vũ Xuân Hoàng                | 16/6/1987  |                              | Thạc sĩ kinh tế/Đầu thầu mua sắm                                                                                                                                              | >10 năm | 03 năm   |
| 13  | Võ Minh Hải                  | 18/7/1975  |                              | Thạc sĩ kinh tế/Tài chính                                                                                                                                                     | 25 năm  | Không có |
| 14  | Đặng Trung Hà                | 16/12/1977 |                              | Thạc sĩ kinh tế/Tài chính, đầu tư công                                                                                                                                        | 08 năm  | Không có |
| IV  | Cục Quản lý Dược             |            |                              |                                                                                                                                                                               |         |          |
| 15  | Nguyễn Văn Viên              | 13/01/1968 | Cục Quản lý Dược             | Dược sĩ/Quản lý chất lượng thuốc                                                                                                                                              | 30 năm  | Không có |
| 16  | Nguyễn Đức Toàn              | 04/9/1975  |                              | Tiến sĩ Dược/Quản lý kinh doanh Dược                                                                                                                                          | 25 năm  | Không có |
| 17  | Nguyễn Chiến Bình            | 26/12/1977 |                              | Thạc sĩ Dược/Đăng ký thuốc                                                                                                                                                    | 11 năm  | Không có |
| 18  | Nguyễn Ngọc Anh              | 28/02/1972 |                              | Tiến sĩ Dược/Quản lý mỹ phẩm                                                                                                                                                  | 15 năm  | Không có |
| 19  | Phùng Quốc Thái              | 18/5/1986  |                              | Dược sĩ/Quản lý giá thuốc                                                                                                                                                     | 10 năm  | 03 năm   |
| V   | Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế |            |                              |                                                                                                                                                                               |         |          |
| 20  | Trịnh Đức Nam                | 30/3/1981  | Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế | Thạc sĩ/Quản lý nhà nước về chất lượng và sử dụng thiết bị y tế, bao gồm: kiểm định y tế; tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị y tế; quản lý kê khai giá trang thiết bị y tế | 17 năm  | Không có |
| 21  | Bùi Việt Dũng                | 06/7/1982  |                              | Thạc sĩ/Quản lý nhà nước về chất lượng và sử dụng thiết bị y tế, bao gồm: kiểm định y tế; tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị y tế                                          | 11 năm  | Không có |
| 22  | Bạch Minh Hùng               | 14/01/1980 |                              | Thạc sĩ/Quản lý nhà nước về đăng ký lưu hành và nhập khẩu trang thiết bị y tế                                                                                                 | 16 năm  | Không có |
| 23  | Đoàn Quang Minh              | 15/10/1981 |                              | Thạc sĩ/Quản lý nhà nước về đăng ký lưu hành và nhập khẩu trang thiết bị y tế                                                                                                 | 18 năm  | Không có |

|     |                                   |            |                                      |                                                                                                                                                                       |         |          |
|-----|-----------------------------------|------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|
| 24  | Nguyễn Anh Tuấn                   | 11/11/1977 | Cục Hạ tầng và<br>Thiết bị y tế      | Thạc sĩ/Công nhân kỹ thuật thiết bị y tế/Quản lý nhà nước về chất lượng và sử dụng thiết bị y tế, bao gồm: kiểm định y tế; tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị y tế | 10 năm  | Không có |
| 25  | Nguyễn Hữu Hải                    | 19/12/1977 |                                      | Thạc sĩ, bác sĩ đa khoa/Quản lý nhà nước về đăng ký lưu hành và nhập khẩu trang thiết bị y tế                                                                         | 10 năm  | Không có |
| 26  | Đặng Thị Phương Thảo              | 28/10/1986 |                                      | Dược sĩ/Quản lý nhà nước về đăng ký lưu hành và nhập khẩu trang thiết bị y tế                                                                                         | 07 năm  | Không có |
| VI  | Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo |            |                                      |                                                                                                                                                                       |         |          |
| 27  | Mai Thị Nữ                        | 20/10/1973 | Cục Khoa học Công nghệ<br>và Đào tạo | Tiến sĩ cơ sở toán học cho Tin học/Quản lý công nghệ thông tin về y tế                                                                                                | >20 năm | Không có |
| 28  | Trần Văn Tuyên                    | 08/9/1987  |                                      | Thạc sĩ điện tử viễn thông/Quản lý công nghệ thông tin về y tế                                                                                                        | >14 năm | Không có |
| 29  | Võ Thị Nhị Hà                     | 17/4/1975  |                                      | Tiến sĩ/Quản lý nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ                                                                                                           | 19 năm  | Không có |
| 30  | Phan Quang Độ                     | 02/11/1978 |                                      | Thạc sĩ/Lĩnh vực quản lý nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ                                                                                                  | >10 năm | Không có |
| 31  | Đào Thị Hồng Hà                   | 06/4/1971  |                                      | Thạc sĩ, Bác sĩ nội trú Nhi khoa/Lĩnh vực quản lý đào tạo nhân lực y tế                                                                                               | 22 năm  | Không có |
| 32  | Nguyễn Thế Hiển                   | 05/8/1976  |                                      | Tiến sĩ, Bác sĩ y khoa/Lĩnh vực quản lý đào tạo nhân lực y tế                                                                                                         | 23 năm  | Không có |
| VII | Cục Phòng bệnh                    |            |                                      |                                                                                                                                                                       |         |          |
| 33  | Trần Anh Thành                    | 17/9/1969  | Cục Phòng bệnh                       | Thạc sĩ/Quản lý sức khỏe lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, phòng chống tai nạn thương tích                                                                      | >20 năm | Không có |
| 34  | Đoàn Văn Hiếu                     | 11/10/1967 |                                      | Bác sĩ CKI/Quản lý chất lượng nước, vệ sinh cộng đồng, mai táng                                                                                                       | >20 năm | Không có |
| 35  | Bùi Hoàng Đức                     | 13/9/1976  |                                      | Thạc sĩ, Bác sĩ/giám sát phòng chống HIV/AIDS                                                                                                                         | 25 năm  | Không có |
| 36  | Nguyễn Thị Thanh Tâm              | 18/9/1978  |                                      | Thạc sĩ, Bác sĩ quản lý chất thải y tế                                                                                                                                | >05 năm | Không có |

|      |                               |            |                               |                                                                                                                                                              |         |          |
|------|-------------------------------|------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|
| 37   | Tô Thị Phương Thảo            | 31/01/1975 | Cục Phòng bệnh                | Thạc sĩ, Bác sĩ y tế trường học và phòng chống tai nạn thương tích                                                                                           | >01 năm | Không có |
| 38   | Nguyễn Trường Giang           | 01/8/1974  |                               | Bác sĩ/Quản lý hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng trong lĩnh vực, diệt khuẩn trong lĩnh vực y tế                                                              | >05 năm | Không có |
| 39   | Lê Văn Sang                   | 03/10/1988 |                               | Bác sĩ/An toàn sinh học tại phòng xét nghiệm                                                                                                                 | 09 năm  | Không có |
| 40   | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh            | 21/10/1982 |                               | Bác sĩ/Giám sát hoạt động tiêm chủng                                                                                                                         | 13 năm  | Không có |
| VIII | Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền |            |                               |                                                                                                                                                              |         |          |
| 41   | Đoàn Thị Tuyết Mai            | 18/10/1969 | Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền | Thạc sĩ, Bác sĩ/Y, Dược cổ truyền                                                                                                                            | 17 năm  | Không có |
| 42   | Nguyễn Trọng Quỳnh            | 22/06/1982 |                               | Thạc sĩ, Bác sĩ/Y, Dược cổ truyền                                                                                                                            | 15 năm  | Không có |
| 43   | Nguyễn Công Lương             | 29/11/1985 |                               | Thạc sĩ, Bác sĩ/Y, Dược cổ truyền                                                                                                                            | 05 năm  | Không có |
| IX   | Cục An toàn thực phẩm         |            |                               |                                                                                                                                                              |         |          |
| 44   | Nguyễn Xuân Trường            | 18/02/1991 | Cục An toàn thực phẩm         | Thạc sĩ khoa học Công nghệ thực phẩm/lĩnh vực xây dựng QCVN và tham gia quản lý các cơ sở kiểm nghiệm chỉ định phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm | 10 năm  | Không có |
| 45   | Nguyễn Minh Tuấn              | 23/02/1981 |                               | Thạc sĩ Công nghệ thực phẩm/Thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm                                                                                         | >05 năm | Không có |
| 46   | Vũ Đình Cẩn                   | 16/6/1984  |                               | Thạc sĩ Công nghệ thực phẩm/Thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm                                                                                         | >10 năm | Không có |
| 47   | Nguyễn Thị Hạnh               | 07/02/1986 |                               | Thạc sĩ Công nghệ thực phẩm/Thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm                                                                                         | >10 năm | Không có |
| 48   | Lê Thị Mai                    | 02/7/1987  |                               | Kỹ sư Công nghệ thực phẩm/Quản lý điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm                                                   | >10 năm | Không có |

| X   | Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế   |            |                                                     |                                                      |        |          |
|-----|-----------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------|----------|
| 49  | Nguyễn Hoàng Tùng                                   | 15/11/1972 | Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế   | Tiến sĩ/Lĩnh vực kiểm định Vắc xin và Sinh phẩm y tế | 26 năm | Không có |
| 50  | Vũ Thị Thu Hương                                    | 03/10/1977 |                                                     | Tiến sĩ/Lĩnh vực kiểm định Vắc xin và Sinh phẩm y tế | 20 năm | Không có |
| 51  | Lưu Thị Dung                                        | 05/05/1990 |                                                     | Tiến sĩ/Lĩnh vực kiểm định Vắc xin và Sinh phẩm y tế | 12 năm | Không có |
| 52  | Nguyễn Thị Kiều                                     | 20/12/1974 |                                                     | Tiến sĩ/Lĩnh vực kiểm định Vắc xin và Sinh phẩm y tế | 25 năm | Không có |
| 53  | Lê Thị Hoàng Yến                                    | 04/01/1972 |                                                     | Thạc sĩ/Lĩnh vực kiểm định Vắc xin và Sinh phẩm y tế | 21 năm | Không có |
| 54  | Dương Thị Cẩm Lệ                                    | 18/6/1969  |                                                     | Thạc sĩ/Lĩnh vực kiểm định Vắc xin và Sinh phẩm y tế | 21 năm | Không có |
| XI  | Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương                   |            |                                                     |                                                      |        |          |
| 55  | Nguyễn Văn Hà                                       | 10/5/1974  | Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương                   | Tiến sĩ Dược/Chất lượng thuốc, mỹ phẩm               | 26 năm | 01 năm   |
| 56  | Lê Quang Thảo                                       | 03/11/1981 |                                                     | Tiến sĩ Dược/Chất lượng thuốc, mỹ phẩm               | 20 năm | 01 năm   |
| 57  | Cao Ngọc Anh                                        | 05/6/1976  |                                                     | Tiến sĩ Dược/Chất lượng thuốc, mỹ phẩm               | 23 năm | 01 năm   |
| 58  | Trần Thuý Hạnh                                      | 30/8/1981  |                                                     | Tiến sĩ Dược/Chất lượng thuốc, mỹ phẩm               | 28 năm | Không có |
| 59  | Lục Thị Vân                                         | 28/7/1974  |                                                     | Thạc sĩ Dược/Chất lượng thuốc, mỹ phẩm               | 18 năm | 01 năm   |
| 60  | Nguyễn Thị Vĩnh Hồng                                | 03/10/1976 |                                                     | Thạc sĩ Dược/Chất lượng thuốc, mỹ phẩm               | 24 năm | 01 năm   |
| 61  | Nguyễn Thị Lan Phương                               | 05/02/1978 |                                                     | Thạc sĩ Dược/Chất lượng thuốc, mỹ phẩm               | 24 năm | 01 năm   |
| 62  | Đỗ Thu Trang                                        | 24/11/1978 |                                                     | Thạc sĩ Dược/Chất lượng thuốc, mỹ phẩm               | 23 năm | 01 năm   |
| 63  | Nguyễn Thị Liên                                     | 11/10/1983 |                                                     | Tiến sĩ Dược/Chất lượng thuốc, mỹ phẩm               | 18 năm | Không có |
| 64  | Lê Thị La                                           | 24/6/1983  |                                                     | Thạc sĩ Dược/Chất lượng thuốc, mỹ phẩm               | 18 năm | Không có |
| 65  | Trịnh Thị Quy                                       | 07/8/1980  |                                                     | Thạc sĩ Dược/Chất lượng thuốc, mỹ phẩm               | 21 năm | Không có |
| XII | Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh thực phẩm Quốc gia |            |                                                     |                                                      |        |          |
| 66  | Phạm Hoàng Thi                                      | 04/10/1988 | Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh thực phẩm Quốc gia | Dược sĩ/Dược, thực phẩm                              | 11 năm | Không có |
| 67  | Dương Văn Tú                                        | 12/3/1976  |                                                     | Thạc sĩ Sinh học/Sinh học, thực phẩm                 | 14 năm | Không có |
| 68  | Doãn Văn Kiên                                       | 28/5/1979  |                                                     | Dược sĩ/Dược, thực phẩm                              | 15 năm | Không có |

|      |                                             |            |                                                     |                                                    |        |          |
|------|---------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------|----------|
| 69   | Nguyễn Thị Thu Hằng                         | 14/11/1978 | Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh thực phẩm Quốc gia | Thạc sĩ kỹ thuật hoá học/Hoá học                   | 15 năm | Không có |
| 70   | Nguyễn Thị Đạo                              | 16/01/1984 |                                                     | Kỹ sư công nghệ sinh học/Thực phẩm                 | 15 năm | Không có |
| 71   | Võ Thị Hồng Hạnh                            | 27/06/1982 |                                                     | Thạc sĩ kỹ thuật công nghệ thực phẩm/Thực phẩm     | 15 năm | Không có |
| 72   | Nguyễn Bảo Thoa                             | 22/11/1994 |                                                     | Kỹ sư kỹ thuật thực phẩm/Thực phẩm                 | 07 năm | Không có |
| 73   | Nguyễn Việt Hưng                            | 16/11/1980 |                                                     | Thạc sĩ khoa học thực phẩm và dinh dưỡng/Thực phẩm | 05 năm | Không có |
| 74   | Phạm Thị Thanh Huyền                        | 24/9/1983  |                                                     | Thạc sĩ kỹ thuật công nghệ thực phẩm/Thực phẩm     | 15 năm | Không có |
| 75   | Trịnh Thanh Thuý                            | 14/4/1982  |                                                     | Thạc sĩ sinh học/Sinh học, thực phẩm               | 18 năm | Không có |
| 76   | Đoàn Thu Hương                              | 02/02/1997 |                                                     | Dược sĩ/Hoá học, thực phẩm                         | 05 năm | Không có |
| 77   | Phan Nguyên Hải                             | 19/10/1968 |                                                     | Cử nhân phòng hoá/Thực phẩm                        | 15 năm | Không có |
| XIII | Viện Kiểm nhiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh |            |                                                     |                                                    |        |          |
| 78   | Chương Ngọc Nãi                             | 06/7/1976  | Viện Kiểm nhiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh         | Tiến sĩ Dược học/Chất lượng thuốc, mỹ phẩm         | 23 năm | Không có |
| 79   | Trần Thị Hoàng Chi                          | 27/02/1988 |                                                     | Tiến sĩ Dược học/Chất lượng thuốc, mỹ phẩm         | 15 năm | Không có |
| 80   | Trịnh Hoàng Dương                           | 15/6/1984  |                                                     | Tiến sĩ hoá                                        | 18 năm | Không có |
| XIV  | Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương             |            |                                                     |                                                    |        |          |
| 81   | Trần Huy Hoàng                              | 13/2/1971  | Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương                     | Tiến sĩ/Vi sinh y học; y tế công cộng              | 28 năm | Không có |
| 82   | Phạm Quang Thái                             | 29/10/1976 |                                                     | Phó Giáo sư, Tiến sĩ/Dịch tễ học                   | 23 năm | Không có |
| 83   | Đỗ Phương Loan                              | 18/10/1982 |                                                     | Tiến sĩ/Vi sinh y học                              | 26 năm | Không có |
| 84   | Nguyễn Thị Lan Phương                       | 05/10/1984 |                                                     | Tiến sĩ y tế công cộng/y tế công cộng              | 18 năm | Không có |
| 85   | Võ Thị Hải An                               | 08/01/1973 |                                                     | Thạc sĩ/Tài chính kế toán                          | 28 năm | Không có |
| XV   | Viện Trang thiết bị và Công trình y tế      |            |                                                     |                                                    |        |          |
| 86   | Hà Quang Thanh                              | 26/7/1970  | Viện Trang thiết bị và Công trình y tế              | Thạc sĩ kỹ thuật điện tử                           | 24 năm | 09 năm   |
| 87   | Nguyễn Văn Hùng                             | 26/3/1973  |                                                     | Thạc sĩ điện tử viễn thông                         | 09 năm | Không có |
| 88   | Lê Đức Hà                                   | 16/11/1984 |                                                     | Thạc sĩ kỹ thuật vi sinh                           | 16 năm | 09 năm   |

|       |                                           |            |                                           |                                                                                       |         |          |
|-------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|
| 89    | Phạm Thanh Tùng                           | 21/10/1986 | Viện Trang thiết bị và Công trình y tế    | Thạc sĩ kỹ thuật vi sinh                                                              | 08 năm  | Không có |
| 90    | Trần Mạnh Quân                            | 28/6/1984  |                                           | Thạc sĩ kỹ thuật vi sinh                                                              | 08 năm  | Không có |
| XVI   | Trường Đại học Dược Hà Nội                |            |                                           |                                                                                       |         |          |
| 91    | Phan Thị Minh Huế                         | 05/9/1965  | Trường Đại học Dược Hà Nội                | Giáo sư, Tiến sĩ Dược/Chuyên ngành đào tạo Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc       | 33 năm  | Không có |
| 92    | Phùng Thanh Hương                         | 31/5/1976  |                                           | Phó Giáo sư, Tiến sĩ/Chuyên ngành Hoá sinh Dược                                       | 23 năm  | Không có |
| 93    | Nguyễn Mạnh Tuyển                         | 03/12/1973 |                                           | Phó Giáo sư, Tiến sĩ/Chuyên ngành Dược liệu, Dược học cổ truyền                       | 25 năm  | Không có |
| 94    | Nguyễn Thị Kiều Anh                       | 18/4/1967  |                                           | Phó Giáo sư, Tiến sĩ/Chuyên ngành kiểm nghiệm thuốc                                   | 28 năm  | Không có |
| 95    | Nguyễn Hoàng Anh                          | 20/11/1976 |                                           | Phó Giáo sư, Tiến sĩ/Chuyên ngành Dược lý, Dược lâm sàng                              | 22 năm  | Không có |
| XVII  | Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh      |            |                                           |                                                                                       |         |          |
| 96    | Nguyễn Lê Việt Hùng                       | 22/3/1985  | Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh      | Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền                                          | 14 năm  | Không có |
| 97    | Trần Thị Kim Cúc                          | 15/9/1979  |                                           | Thạc sĩ luật học                                                                      | 09 năm  | Không có |
| 98    | Nguyễn Tiến Lộc                           | 01/01/1993 |                                           | Thạc sĩ Luật kinh tế                                                                  | 08 năm  | Không có |
| XVIII | Trường Đại học Y Hà Nội                   |            |                                           |                                                                                       |         |          |
| 99    | Nguyễn Thị Thu Hương                      | 02/12/1968 | Trường Đại học Y Hà Nội                   | Thạc sĩ Điều dưỡng                                                                    | 34 năm  | Không có |
| 100   | Vũ Thị Thu Huyền                          | 27/7/1989  |                                           | Thạc sĩ Quản lý giáo dục/Cử nhân Luật                                                 | 08 năm  | Không có |
| 101   | Mai Thu Hằng                              | 29/10/1985 |                                           | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                                                           | 05 năm  | Không có |
| 102   | Nguyễn Thu Hiền                           | 22/10/1985 |                                           | Thạc sĩ Luật                                                                          | 06 năm  | Không có |
| 103   | Trần Thị Phương Nga                       | 14/6/1982  |                                           | Thạc sĩ Quản trị nhân lực                                                             | 09 năm  | Không có |
| XIX   | Viện Y tế công cộng thành phố Hồ Chí Minh |            |                                           |                                                                                       |         |          |
| 104   | Nguyễn Thị Ngoan                          | 28/10/1975 | Viện Y tế công cộng thành phố Hồ Chí Minh | Thạc sĩ kỹ thuật/Quản lý về công tác kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu | >09 năm | Không có |
| 105   | Trần Thị Nga                              | 22/12/1977 |                                           | Thạc sĩ kỹ thuật/Quản lý về công tác kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu | >10 năm | Không có |

|     |                     |            |                                              |                                                                                                        |         |          |
|-----|---------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|
| 106 | Phan Thị Thuỳ Dương | 01/10/1971 | Viện Y tế công cộng<br>thành phố Hồ Chí Minh | Kỹ sư Hoá học Công nghệ thực phẩm/Quản lý về công tác kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu | >09 năm | Không có |
| 107 | Hoàng Hoài Phương   | 15/5/1979  |                                              | Tiến sĩ khoa học/ Quản lý về công tác kiểm nghiệm an toàn thực phẩm                                    | >14 năm | Không có |
| 108 | Phan Bích Hà        | 26/10/1977 |                                              | Tiến sĩ khoa học/ Quản lý về công tác kiểm nghiệm an toàn thực phẩm                                    | >17 năm | Không có |
| 109 | Lê Thị Ngọc Hạnh    | 19/3/1983  |                                              | Tiến sĩ kỹ thuật hoá học/Quản lý về công tác xét nghiệm                                                | >14 năm | Không có |
| 110 | Nguyễn Ngọc Tuấn    | 23/5/1976  |                                              | Thạc sĩ hoá sinh/ Quản lý về công tác xét nghiệm                                                       | >13 năm | Không có |
| 111 | Hồ Hữu Tính         | 29/10/1987 |                                              | Tiến sĩ Khoa học Môi trường và Bệnh nghề nghiệp/ Quản lý về công tác dịch tễ                           | >13 năm | Không có |
| 112 | Nguyễn Phan Ái Hà   | 26/9/1982  |                                              | Thạc sĩ, Bác sĩ/Lĩnh vực dịch tễ học                                                                   | >10 năm | Không có |
| 113 | Đặng Ngọc Chánh     | 20/3/1977  |                                              | Thạc sĩ kỹ thuật môi trường/Quản lý về công tác sức khoẻ môi trường                                    | >23 năm | Không có |
| 114 | Vương Ngọc Thuỳ     | 05/2/1983  |                                              | Tiến sĩ khoa học/Lĩnh vực dịch tễ học, dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm                           | >10 năm | Không có |

**PHỤ LỤC SỐ 02: DANH SÁCH HỦY BỎ CÔNG NHẬN NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC**  
(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-BYT ngày    tháng    năm 2026 của Bộ Y tế)

| STT | Họ và tên         | Ngày, tháng, năm sinh | Cơ quan công tác                                    | Trình độ/Lĩnh vực chuyên môn                                                                         | Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn | Ghi chú                         |
|-----|-------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Oanh   | 08/12/1983            | Cục An toàn thực phẩm                               | Thạc sĩ Hoá phân tích/Lĩnh vực xây dựng QCVN và quản lý hệ thống phòng kiểm nghiệm An toàn thực phẩm | >10 năm                                | Chuyển công tác                 |
| 2   | Đỗ Trường Sơn     | 27/9/1976             | Thanh tra Bộ                                        | Dược sĩ đại học/Công tác thanh tra Dược, Mỹ phẩm, Trang thiết bị y tế                                | 21 năm                                 | Kết thúc hoạt động Thanh tra Bộ |
| 3   | Quách Huy Chức    | 30/3/1981             |                                                     | Tiến sĩ, Bác sĩ/ Công tác thanh tra khám chữa bệnh, bảo hiểm y tế và dân số                          | 16 năm                                 | Kết thúc hoạt động Thanh tra Bộ |
| 4   | Trần Quang Thông  | 19/9/1965             |                                                     | Tiến sĩ, Bác sĩ/ Công tác thanh tra khám chữa bệnh, bảo hiểm y tế và dân số                          | <30 năm                                | Kết thúc hoạt động Thanh tra Bộ |
| 5   | Nguyễn Tiến Luyện | 29/11/1986            | Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh Thực phẩm Quốc gia | Thạc sĩ Hoá học/Hoá học, thực phẩm                                                                   | 12 năm                                 | Chuyển công tác                 |
| 6   | Phạm Thị Minh Tâm | 16/03/1969            | Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh        | Tiến sĩ Dược học/chất lượng thuốc, mỹ phẩm                                                           | 31 năm                                 | Nghỉ hưu                        |

**PHỤ LỤC SỐ 03: DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC THUỘC BỘ Y TẾ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2026 của Bộ Y tế)

| STT | Tên tổ chức                                       | Ngày, tháng, năm thành lập                                                                                                              | Địa chỉ tổ chức                                                                        | Lĩnh vực chuyên môn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cục Quản lý Dược                                  | Cục Quản lý Dược thành lập ngày 13/8/1996, theo Quyết định số 547-TTg, Thủ tướng Chính phủ                                              | - Địa chỉ: 138A Giảng Võ, phường Giảng Võ, Hà Nội<br>- Điện thoại: 024.37366483        | Quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật; chỉ đạo, điều hành các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực dược, bao gồm: thuốc hoá dược; thuốc dược liệu; vắc xin; sinh phẩm (trừ sinh phẩm chẩn đoán in vitro); nguyên liệu làm thuốc (bao gồm cả bán thành phần dược liệu, trừ dược liệu); bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc, nguyên liệu làm thuốc; mỹ phẩm |
| 2   | Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế                      | Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế thành lập theo Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ                                    | - Địa chỉ: Ngõ 135 Núi Trúc, phường Giảng Võ, Hà Nội<br>- Điện thoại: 024.62732279     | Quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về xây dựng công trình y tế và thiết bị y tế thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Y tế                                                                                                                                                                                                                                 |
| 3   | Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền                     | Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế | - Địa chỉ: 138A Giảng Võ, phường Giảng Võ, Hà Nội<br>- Điện thoại: 024.22141493        | Quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật, chỉ đạo điều hành các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực y, dược cổ truyền trong phạm vi cả nước                                                                                                                                                                                                                 |
| 4   | Cục An toàn thực phẩm                             | Quyết định số 14/1999/QĐ-TTg ngày 12/4/1999 của Thủ tướng Chính phủ                                                                     | - Địa chỉ: Ngõ 135 Núi Trúc, phường Giảng Võ, Hà Nội<br>- Điện thoại: 024.38464489     | Quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Y tế được phân công quản lý                                                                                                                                                                                                                                         |
| 5   | Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế | Quyết định số 621/QĐ-TTg ngày 18/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ                                                                         | - Địa chỉ: Số 1 Nghiêm Xuân Yêm, phường Định công, Hà Nội<br>- Điện thoại: 024.3855148 | Kiểm định và giám sát chất lượng vắc xin, sinh phẩm y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

|   |                                                     |                                                                                                                                                             |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                     |
|---|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6 | Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương                     | Quyết định số 230/1998/QĐ-TTg ngày 30/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ                                                                                       | - Địa chỉ: Số 1 Yec Xanh, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội<br>- Điện thoại: 024.39716356     | Tổ chức, chỉ đạo, triển khai các hoạt động và chương trình y tế dự phòng, y tế công cộng trong phạm vi cả nước                                                                                      |
| 7 | Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương                   | Quyết định số 845-BYT-NĐ ngày 29/7/1957 của Bộ trưởng Bộ Y tế                                                                                               | - Địa chỉ: Số 48 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội<br>- Điện thoại: 024.38252791     | Lĩnh vực Kiểm nghiệm, giám sát chất lượng thuốc (trừ vắc xin và sinh phẩm chẩn đoán), mỹ phẩm                                                                                                       |
| 8 | Trường Đại học Y Hà Nội                             | Thành lập ngày 08/01/1902; Quyết định số 828/BYT/QĐ ngày 29/09/1961 của Bộ Y tế                                                                             | - Địa chỉ: Số 1 Tôn Thất Tùng, phường Kim Liên, Hà Nội<br>- Điện thoại: 024.3823798     | Đào tạo nhân lực y tế: Y khoa, răng hàm mặt, y học dự phòng, y học cổ truyền, điều dưỡng, dinh dưỡng, y tế công cộng, kỹ thuật xét nghiệm, khúc xạ nhãn khoa, kỹ thuật phục hồi chức năng           |
| 9 | Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh thực phẩm Quốc gia | Quyết định số 6065/QĐ-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh thực phẩm Quốc gia | - Địa chỉ: Số 65 Phạm Thuận Duật, phường Phú Diễn, Hà Nội<br>- Điện thoại: 024.39335741 | Kiểm nghiệm, đánh giá, giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm, nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, chất bổ sung vào thực phẩm, dụng cụ, vật liệu tiếp xúc với thực phẩm |